

Bản án số: 95/2023/HC-PT
Ngày 23 tháng 02 năm 2023.
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 544/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hồ Tăng B, sinh năm 1940 (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Tăng B:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 23, khóm T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Hồ Nguyên K, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Số 01, khóm Đ, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Anh Hồ Minh T1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 12, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Chị Hồ Thị Ánh T2, sinh năm 1974 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm B1, Phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang.

5. Chị Hồ Thị Như N, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: 7F1, đường Phạm Cự L1, khóm T, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

6. Anh Hồ Sỹ Q, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 23, khóm T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Sỹ Q: anh Hồ Nguyên K, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 01, khóm T, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hồ Nguyên K: Luật sư Huỳnh Văn B2 - Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Văn B2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Địa chỉ: Khóm T, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Trần Hoàng N1, chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Nguyễn Thanh N2, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi Trường huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 80, Quốc lộ 80, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (vắng mặt);

2. Anh Hồ Sỹ Q, sinh năm 1983 (vắng mặt);

3. Chị Trần Thị Ngọc L2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

4. Trẻ Hồ Thị Trúc P1, sinh năm 2008

5. Trẻ Hồ Thị Trúc Q1, sinh năm 2015;

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Hồ Thị Trúc P1 và Hồ Thị Trúc Q1: Anh Hồ Sỹ Q, sinh năm 1983 và chị Trần Thị Ngọc L2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 23, khóm T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N3, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Trần Hoàng N1, chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 80, Quốc lộ 80, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ủy ban nhân dân xã B3, huyện L;

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B3, huyện L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C1, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Văn L3, chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2022 và ngày 13/5/2022) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xã Bình Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Anh Hồ Nguyên K, chị Nguyễn Thị H, anh Hồ Sỹ Q, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Ánh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện - ông Hồ Tăng B và đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B là anh Hồ Nguyên K trình bày:

Ngày 22/4/2020, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L ban hành quyết định số 225/QĐ-UBND.HC không chấp nhận yêu cầu của ông B khiếu nại đòi 235m² đất do UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) thiếu mất của ông B diện tích 235m².

Nguồn gốc đất được cấp giấy chứng nhận QSDĐ là đất của ông B đã sử dụng trước năm 1975. Vào ngày 22/10/1991 ông B được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ số A 584146, vào sổ 07144, thửa 111, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.322m² loại đất lúa. Đất tọa lạc tại xã B3, huyện L.

Đến ngày 12/12/2008, UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ cho ông B từ thửa 111, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.322m² thành thửa 61, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.087m². Như vậy diện tích đất của ông B bị thiếu là 235m².

Theo Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của UBND huyện L không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông B là không chính xác và hoàn toàn không có chứng cứ, chỉ nhận định mang tính chủ quan. Do đất của ông B trực tiếp sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay.

Quyết định số 225 ngày 22/4/2020 nhận định với những lý do không có chứng cứ không chính xác như sau:

Năm 1993 – 1994, UBND xã B3 cho Đoàn thanh niên trồng bắp lai trên diện tích đất này là hoàn toàn không có chứng cứ.

Năm 1993 – 1994, ông B không sử dụng đất này là sai. Đây là nhận định chủ quan, nếu UBND huyện L bảo là xác minh thì xác minh với ai. Ai sử dụng đất này. Thông báo số 119/TB.UB của UBND xã B3 thì Nhà nước đã cho ông B sử dụng đất này hợp pháp.

Việc Công Binh làm đường là có nhưng phần đất còn lại thì Nhà nước công nhận cho ông B sử dụng. Theo thông báo số 119/TB.UB của UBND xã B3

ngày 05/11/1991 thì nội dung thông báo này đã công nhận cho ông B được quyền sử dụng đất.

Đến năm 1997 – 1998, sau khi Nhà nước mức đất này làm nền chợ thì gia đình ông B cũng tiếp tục trồng Sen đến nay, không có việc ông B không sử dụng đất.

Chủ tịch UBND huyện L nhận định cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Hồ Tăng B là có sai sót. Diện tích đất được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đúng với diện tích thực tế của ông B sai sót như thế nào. Nhận định này hoàn toàn không chính xác. Nếu cho rằng diện tích đất ông B xin cấp bổ sung là do Nhà nước quản lý thì trái ngược với Thông báo số 119. Tất cả nhận định trong Quyết định số 225 ngày 22/4/2020 là không chính xác và không có chứng cứ.

Nếu cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông B là sai sót thì sai sót như thế nào phải cho đối chiếu hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 1991 với thông báo số 119 ngày 05/11/1991 so với diện tích thực tế ông B đang sử dụng thì mới khách quan.

Với những lý do nêu trên yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 225/QĐ- UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L.

- Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

- Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của hộ ông Hồ Tăng B ngày 10/6/1991 với tổng diện tích 8.922m² trong đó có thửa 111, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.322m² mục đích sử dụng đất trồng lúa. Nguồn gốc sử dụng đất: Tự có.

Đến ngày 12/10/1991, UBND huyện Thanh Hưng (nay là huyện L) đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ với tổng diện tích 8.922m², gồm 03 thửa trong đó có thửa đất số 111 (cấp thửa đất theo chủ sử dụng đất kê khai đăng ký, theo sổ mục kê và bản đồ 299 không có đo đạc), tờ bản đồ số 3, diện tích 1.322m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 584140, số vào sổ 07144.

- Về hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Hồ Tăng B lập ngày 25/01/2007, xin cấp đổi thửa 111, 147, 201, tờ bản đồ số 3, thành thửa 61, tờ bản đồ 17, diện tích 1.087m².

Đến ngày 12/12/2008, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 316468, số vào sổ H00468.

Theo sổ cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Hồ Tăng B đã ký tên vào sổ giao nhận và nhận giấy, không có ý kiến. Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng trình tự, thủ tục.

Đối với việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tăng B:

Ngày 09/3/2020, UBND huyện L có nhận được đơn khiếu nại của ông Hồ Tăng B, ngụ thị trấn Lấp Vò, huyện L với nội dung: Khiếu nại về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B thuộc thửa 61, tờ bản đồ số 17

diện tích 1.087m² đất tọa lạc xã B3 còn thiếu 235m². Đề nghị xem xét công nhận cấp bổ sung diện tích 235m² bị thiếu cho đúng với giấy cấp ban đầu vào năm 1991, diện tích 1.322m².

Ngày 16/3/2020, UBND huyện L có Thông báo số 07/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại “Lần đầu”. Đồng thời, cùng ngày ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND-HC về việc giao nhiệm vụ cho Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông Hồ Tăng B (ủy quyền cho con của ông là anh Hồ Nguyên K), ngụ số 23, khóm B1, thị trấn L.

Đến ngày 07/4/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 128/BC-TNMT về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Hồ Tăng B với kết quả xác minh như sau:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

- Trước năm 1975 là đất của hộ dân. Từ khoảng đầu năm 1975 do Công binh (chế độ cũ) đã trưng dụng phần đất này để đắp, ủi làm đường phục vụ cho Công binh (nhưng con đường Công binh đang thực hiện chưa hoàn thành). Đến 30/4/1975 đất nước được giải phóng, đa số hộ dân đều có trang trại sử dụng phần đất thấp phía trong để làm ruộng và phần đất cao (con đường Công binh) để trồng màu (bắp, dưa leo...), các hộ trồng màu giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1993-1994. Đến giai đoạn khoảng năm 1993-1994 thì ông Nguyễn Văn N4 cho chủ trương trồng bắp lai trên phần đất này nhưng đa số tất cả các hộ dân không trồng nên UBND xã giao cho Đoàn thanh niên trồng bắp, sau đó trồng chuối, bạch đàn (do ông Tám Chùa quản lý). Đến giai đoạn năm 1997-1998 thì Nhà nước mức phần đất con đường Công binh để lấy đất làm Quốc lộ 54 và sân chợ Vàm công mới nên phần đường Công binh này sâu xuống như hiện nay. Từ 1997-1998 khi lấy đất sâu xuống đến nay tất cả các hộ dân đều không canh tác. Riêng có một phần đất trên đường Công binh này (vị trí cho Trại heo Hợp tác xã B3) được xây dựng vào năm 1996 để nuôi bò sữa, nuôi được đến khoảng năm 1997 chuyển qua nuôi heo đến năm 2014 thì không còn nuôi heo nữa, nhưng Hợp tác xã vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất này (Trại heo và nhà ở tập thể cho công nhân Hợp tác xã). Hiện tại ông Nguyễn Văn Đ1 đang ở trên nhà ở tập thể của Hợp tác xã.

- Phần đất Ao giáp đường kênh Thủ Hậu (kênh 91) do UBND xã B3 quản lý từ năm 1975 đến nay, theo chủ trương của Đảng ủy và UBND Xã không xét cấp giấy cho các hộ khiếu nại đề nghị cấp giấy.

Kết quả kiểm tra thực tế: Vị trí khu đất cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 61, tờ bản đồ số 17, vị trí tứ cận các cạnh Đông, Tây, Nam, Bắc có cắm trụ đá cố định, các hộ tứ cận đã thống nhất.

Phần đất ông Hồ Tăng B đề nghị điều chỉnh tăng diện tích do cấp đổi thiếu: Phía Đông giáp thửa 61 do ông Hồ Tăng B sử dụng chiều ngang 57,03m; phía Nam giáp thửa 88 chiều dài 17,9m; phía Bắc giáp thửa 88 chiều dài 15m;

phía Tây giáp đường đất kênh Thủ Hậu chiều ngang 54m. Tổng diện tích 719,3m² (nằm trên phần đất Ao thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 16).

Ngày 20/4/2020, Chủ tịch UBND huyện L đối thoại với ông Hồ Tăng B (ủy quyền cho con của ông là anh Hồ Nguyên K) khiếu nại diện tích đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu và yêu cầu cấp bổ sung diện tích 235m². Đến ngày 22/4/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tăng B.

Yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện L:

Theo hồ sơ cấp đổi quyền sử dụng đất của hộ ông Hồ Tăng B cấp đổi từ bản đồ 299 thửa đất số 111, 147, 201, tờ bản đồ số 3 sang bản đồ địa chính chính quy thửa đất số 61, tờ bản đồ số 17 diện tích 1.087m² (giảm diện tích), mục đích sử dụng đất trồng lúa là phù hợp với thực tế sử dụng đất. Tại vị trí thửa đất số 88, tờ bản đồ số 16, UBND xã B3 định hướng sử dụng vào mục đích công cộng: Xây dựng công trình văn hóa thể dục, thể thao, vui chơi giải trí cộng đồng của Ban nhân dân ấp Bình An (đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới hướng tới nâng cao và kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020).

Từ những nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không chấp nhận nội dung khiếu kiện của ông Hồ Tăng B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND xã B3 trình bày:

Trước năm 1975 là đất của hộ dân. Từ khoảng đầu năm 1975 do Công binh (*chế độ cũ*) lấy đất của dân để đắp làm đường công binh (*nhưng con đường công binh chưa hoàn thành*). Đến 30/4/1975 thì đất nước được giải phóng, đa số hộ dân đều có trang trải sử dụng phần đất thấp phía trong để làm ruộng và phần đất cao (*con đường công binh*) để trồng màu (*bắp, dưa leo...*), các hộ trồng hoa màu giai đoạn từ 1975 đến 1993. Đến giai đoạn khoảng năm 1993-1994 thì đồng chí Nguyễn Văn Nhơn (Bí thư Đảng ủy Xã) cho chủ trương trồng bắp lại nhưng đa số các gia đình không trồng nên UBND xã cho đoàn thanh niên trồng bắp, sau đó trồng chuối, bạch đàn (*do ông Tám Chừa quản lý*). Đến giai đoạn năm 1997-1998 thì Nhà nước mức phần đất con đường công binh để lấy đất làm Quốc lộ 54 và sân chợ Vàm Cống nên phần đường công binh này sâu xuống như hiện nay. Từ 1997-1998 khi lấy đất sâu xuống đến nay tất cả các hộ dân đều không canh tác. Riêng có một phần đất trên đường công binh này (*vị trí chỗ Trại heo Hợp tác xã*) được xây dựng vào năm 1996 để nuôi bò sữa, nuôi được đến khoảng năm 1997 chuyển qua nuôi heo đến năm 2014 thì không còn nuôi heo nữa, nhưng Hợp tác xã vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Đối với phần đất mà ông Hồ Tăng B khởi kiện là một phần thửa đất số 88, tờ bản đồ số 16 theo bản đồ địa chính chính quy. Hiện trạng khi xảy ra vụ việc tranh chấp do ông Cao Văn Giúp đang sử dụng để trồng Sen, UBND xã B3 đã mời ông Giúp để trao đổi trả lại phần đất này và ông Giúp cũng thống nhất là đất công của Nhà nước. Trước đây khi trồng sen thì có hỏi ông Nguyễn Văn Hoàng

- Bí thư; Trưởng Ban nhân dân ấp Bình An để trồng sen, nếu Nhà nước cần thì ông xin trả lại phần đất này.

Theo bản đồ địa chính chính quy được Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp duyệt ngày 28/11/2008, vị trí ông Hồ Tăng B đề nghị cấp giấy CNQSD đất là thuộc một phần thửa số 88, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.454m² mục đích sử dụng là đất Ao do Nhà nước quản lý.

UBND xã cũng tiến hành xác minh các hộ dân lân cận gần vị trí thửa đất này (Hộ dân của xã B3 và của Thị trấn Lấp Vò) và họp dân lấy ý kiến về quá trình sử dụng đất thì tất cả điều xác định là sau năm 1975 đến nay phần đất này do Nhà nước quản lý sử dụng, không có hộ dân nào canh tác, sử dụng trên phần đất này (kèm Biên bản làm việc và xác minh của UBND Xã).

Đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 16, diện tích 8.454m² thì UBND Xã đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất được duyệt là khu đất văn hóa.

Về định hướng sử dụng đất UBND Xã đã thuê tư vấn lập hồ sơ để đầu tư xây dựng nhà văn hóa thể thao ấp Bình An và Công viên cây xanh để phục vụ các hộ dân trên địa bàn Ấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 03/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ: Điều 30, 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, khoản 1, Điều 348, khoản 1 Điều 358 - Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 9 Luật đất đai 1987; Điều 52 Luật đất đai 2003 (nay là khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013);

Điều 21 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai;

Khoản 1 Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại 2011;

Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Mục 1 Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính về hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CN QSD đất;

Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tăng B (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Tăng B là bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Nguyên K, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Ánh T2, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Sỹ Q) yêu cầu

hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tăng B.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.045.338 đồng, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Tăng B là bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Nguyên K, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Ánh T2, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Sỹ Q phải chịu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2022, anh Hồ Nguyên K, bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Sỹ Q, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Minh T1 và chị Hồ Thị Ánh T2, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Hồ Nguyên K trình bày: Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L không chấp nhận yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung 235m² đất bị thiếu cho hộ ông B là không đúng pháp luật. Thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A584146 ngày 22/10/1991 cấp cho các thửa 111, 147, 201 có tổng diện tích 8.922m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mới hiện nay thay đổi 03 thửa nêu trên thành các thửa 61, 77, 119 diện tích tổng cộng bằng 9.123m². Diện tích đất thực tế của hộ ông B đang sử dụng đúng theo diện tích được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích thửa 111 trước đây được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.322m², sau khi thay đổi số thửa 111 thành thửa 66 và tiếp tục thay đổi thành thửa 61 thì diện tích chỉ còn 1.087m², so với trước đây thì diện tích đất cấp mới bị thiếu 235m². Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tăng B.

Luật sư Huỳnh Văn B2 trình bày: Nguồn gốc phần đất liên quan đến khiếu kiện là của ông B. Năm 1991, Ủy ban nhân dân xã giao cho ông B Thông báo số 119/TB.UB ngày 05/11/1991 có nội dung cho ông B sử dụng đất thừa, đất ông B sử dụng trồng sen, bạch đàn, không bỏ đất trống. Nhà nước cho rằng sử dụng đất từ năm 1975 đến nay nhưng không chứng minh được vị trí đất chỗ nào. Đất đã được cấp quyền sử dụng đất cho người dân mà giao cho Đoàn thanh niên, Hợp tác xã sử dụng là không đúng. Về thủ tục hành chính cũng không có giấy tờ chứng minh việc giao đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tăng B.

Ông Trần Hoàng N1 trình bày: Ngày 22/10/1991, ông B được cấp quyền sử dụng đất số A584146 đối với các thửa 111, 147, 201 tổng diện tích 8.922m² và 03 thửa đất này có vị trí liền kề thành 1 khu đất. Sau khi các cơ quan

quản lý đất đai của tỉnh và của huyện đo đạc, lập bản đồ chính quy diện tích đất thực tế của người dân đang sử dụng trong địa bàn, trong đó có khu đất của gia đình ông B thì các thửa 111, 147, 201 đổi thành các thửa 66, 153, 154, 151, 152. Năm 2007, ông B làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan chức năng tiếp tục đo lại và khu đất này đổi thành các thửa mới 61, 77, 119 thì diện tích đất thực tế của hộ ông B đang sử dụng tổng cộng bằng 9.123m². Sau đó, ông B được UBND huyện L cấp đổi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 316468, AN 316469 và AN 316470 đúng với diện tích đo thực tế, gia đình ông B không khiếu nại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Như vậy, theo số liệu tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mới cho hộ ông B, tuy diện tích thửa 61 có giảm, nhưng diện tích thửa 77 lại tăng và cộng cả 3 thửa mới thì hộ ông B đang sử dụng diện tích đất nhiều hơn 201m² so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A584146 ngày 22/10/1991. Do đó, Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Tăng B là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh N2 trình bày: Yêu cầu hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L là không có cơ sở. Người khởi kiện cho rằng sử dụng đất liên tục là không đúng, đất mà người khởi kiện yêu cầu cấp bổ sung là đất do chế độ cũ trưng dụng, xã và huyện quản lý đất là tiếp quản từ chế độ cũ. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất người khởi kiện đã biết và không có khiếu nại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã B3 và Chủ tịch UBND xã B3 (đều do ông Diệp Văn L3 đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì phần đất Ao thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 16 do Nhà nước quản lý từ năm 1975 cho đến nay, người dân không có sử dụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B vào năm 1991 không đo đạc thực tế. Năm 2007 ông B làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận và được cấp đổi thành thửa 61. Khi cấp đổi giấy chứng nhận, diện tích đất được cấp theo bản đồ địa chính chính quy. Việc ông B cho rằng cấp thiếu 235m² là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của ông Hồ Tăng B còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị Ánh T2 và bà Trần Thị Ngọc L2, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, anh Hồ Nguyên K có yêu cầu Luật sư Huỳnh Hồng D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh K xác định không yêu cầu Luật sư D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nữa. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa Luật sư D vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L:

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 là đúng quy định tại các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại năm 2011 và các Điều 5, 6, 7, 8, 12, 18 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.1.2.] Các đương sự thống nhất khai nhận:

Ngày 22/10/1991, ông Hồ Tăng B được UBND huyện Thanh Hưng (nay là huyện L) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A584146 đối với phần đất có tổng diện tích 8.922m² thuộc các thửa 111 diện tích 1.322m²; thửa 147 diện tích 4250m²; thửa 201 diện tích 3350m², cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã B3, huyện Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình quản lý đất đai qua các thời kỳ, các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành đo đạc lại và phân đất trên có sự biến động về số thửa và diện tích như sau: Các thửa 111, 147, 201 đổi thành các thửa 66 (1.087m²), thửa 153 (1.966m²), thửa 154 (1.939m²), thửa 151 (2.115m²) và thửa 152 (2.116m²), theo bản đồ địa chính chính quy của huyện L.

Năm 2007, ông B kê khai xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên. Năm 2008, khi thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cho ông B, các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục tiến hành đo

đặc lại thì thửa 66 trở thành thửa 61, diện tích 1087m²; thửa 151, 152 thành thửa 119, diện tích 4.231m²; thửa 153 và 154 thành thửa 77, diện tích 3.805m². Ngày 12/12/2008, hộ ông B được UBND huyện L cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 316468, AN 316469 và AN 316470 cho các thửa 61, 77 và 119, tờ bản đồ số 17, theo diện tích đo đạc thực tế. Gia đình ông B không khiếu nại đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mới này. Như vậy, việc UBND huyện L cấp đổi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 316468, AN 316469 và AN 316470 ngày 12/12/2008 cho hộ ông B đối với các thửa đất 61, 77 và 119 nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[2.1.3] Ông B cho rằng quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 111 có diện tích 1.322m² thành thửa 66 và đến nay là thửa 61 diện tích chỉ có 1.087m² là bị thiếu 235m² nên khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện L với lý do Ủy ban nhân dân huyện L không cấp bổ sung diện tích đất bị thiếu cho hộ ông B.

[2.1.4] Hội đồng xét xử xét thấy, khi cấp giấy chứng nhận lần đầu cho ông B, cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào sổ mục kê ruộng đất, tài liệu bản đồ 299/TTg và kê khai của ông B mà không có đo đạc xác định vị trí thửa đất trên thực tế. Còn khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các cơ quan có thẩm quyền đã đo đạc lại theo diện tích đất ông B đang sử dụng thực tế và cấp nhật số liệu mới đầy đủ theo bản đồ và sổ địa chính.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A584146 ngày 22/10/1991 thể hiện, ông B được cấp quyền sử dụng đối với các thửa 111, 147, 201 có tổng diện tích 8.922m² và 03 thửa đất này có vị trí liền kề thành 1 khu đất. Trong khi đó, khi ông B làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo số liệu đo đạc lại diện tích của 03 thửa đất 111, 147, 201 thành các thửa mới 61, 77 và 119 thì diện tích đất thực tế của hộ ông B đang sử dụng và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng cộng bằng 9.123m². Như vậy, theo số liệu tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mới cho hộ ông B, tuy diện tích thửa 61 có giảm, nhưng diện tích thửa 77 lại tăng và cộng cả 3 thửa mới thì hộ ông B đang sử dụng diện tích đất nhiều hơn 201m² so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A584146 ngày 22/10/1991. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K khai nhận diện tích đất được cấp này là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất thực tế của gia đình ông B. Như vậy, diện tích đất được cấp đổi vẫn đảm bảo quyền lợi cho hộ ông B và phù hợp với diện tích sử dụng đất thực tế của người khởi kiện.

[2.1.5] Xét về quá trình sử dụng đất: Vào đầu năm 1975 Công binh chế độ cũ đã trưng dụng đất của các hộ dân trong khu vực này để ủi làm đường phục vụ cho công binh. Sau năm 1975 Nhà nước tiếp quản và quản lý sử dụng đất, đã cho máy kobe mức đất làm đường, làm nền chợ. Ông B cho rằng có sử dụng phần đất đã trưng dụng để trồng sen và anh K đưa ra chứng cứ là Tờ hợp đồng mượn đất giữa ông B với ông G vào ngày 22/02/2013. Tuy nhiên, theo Biên bản làm việc ngày 08/02/2016 do UBND xã B3 lập thì ông G xác định khi trồng sen ông G có hỏi ông Nguyễn Văn H3 là Bí thư, Trưởng Ban nhân dân ấp Bình An để trồng, ông G không mượn đất của ông B và ông G đồng ý trả đất lại cho

UBND xã quản lý sử dụng. Anh K không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc gia đình ông B có trồng sen và sử dụng phần đất Ao nêu trên. Thực tế hiện nay gia đình ông B vẫn không sử dụng diện tích phần ao này.

Mặt khác, qua các biên bản làm việc lấy lời khai của những người dân địa phương gồm ông Nguyễn Tấn Phước, ông Nguyễn Văn Ứng, ông Nguyễn Văn Chiêu, ông Hồ Tăng Hòn, ông Hồ Tăng Tám, ông Phạm Ngọc Ân đều xác định phần đất gia đình ông B yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 1975 là của dân sử dụng, chế độ cũ lấy ủi làm đường lộ 91, sau năm 1975 do Nhà nước quản lý sử dụng trồng chuối, bắp, hiện nay là đất Ao (mương lộ) do Nhà nước quản lý, không có hộ dân nào sử dụng. Tại biên bản lấy lời khai do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L lập ngày 07/11/2017, ông B cũng thừa nhận phần đất bị máy kobe mức ngang 04m, dài 52m thì từ trước năm 1975 đến nay gia đình ông B không sử dụng.

[2.1.6] Như vậy, có cơ sở xác định, ông B không có quá trình sử dụng đối với 235m² đất yêu cầu được cấp bổ sung nên ông B không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, diện tích đất 235m² này tiếp giáp đường và tiếp giáp đất của các hộ dân, hiện trạng là Ao do Nhà nước quản lý, đã được quy hoạch xây dựng cho mục đích công cộng, Nhà văn hóa thể thao và Công viên cây xanh của ấp Bình An, xã B3 nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông B là có căn cứ.

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ và xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tăng B (nay là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B) là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác toàn bộ kháng cáo của anh Hồ Nguyên K, bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Sỹ Q, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Minh T1 và chị Hồ Thị Anh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn; anh Hồ Nguyên K, anh Hồ Sỹ Q, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Minh T1 và chị Hồ Thị Ánh T2, phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 9 Luật đất đai 1987; Điều 52 Luật đất đai 2003 (nay là khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013);

Căn cứ Điều 21 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Mục 1 Chương 3 của Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính về hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy CN QSD đất;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm Anh Hồ Nguyên K, chị Nguyễn Thị H, anh Hồ Sỹ Q, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Minh T1 và chị Hồ Thị Ánh T2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tăng B, nay là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Tăng B là bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Nguyên K, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Ánh T2, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Sỹ Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 225/QĐ-UBND.HC ngày 22/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết đối với khiếu nại của ông Hồ Tăng B.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.045.338 đồng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Tăng B là bà Nguyễn Thị H, anh Hồ Nguyên K, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Ánh T2, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Sỹ Q phải chịu.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Hồ Tăng B không phải chịu. Hoàn trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Hồ Tăng B số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009997 ngày 04/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được miễn. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004737 ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Hồ Nguyên K, anh Hồ Minh T1, chị Hồ Thị Ánh T2, chị Hồ Thị Như N, anh Hồ Sỹ Q, phải chịu mỗi đương sự 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004733, 0004736, 0004735, 0004734, 0004738 cùng ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TANDtỉnh Đồng Tháp; (1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp; (1)
- Người khởi kiện; (6)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (8)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Ngọc Huỳnh